

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2020/DS-PT

Ngày: 10-9-2020

*V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Thanh

Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2020/TLPT-DS ngày 22 tháng 7 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 49/2019/DS-ST ngày 16/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2020/QĐ-PT ngày 05/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 220/2020/QĐ-PT ngày 27/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A

Trụ sở: Số 02 LH, phường TC, quận BD, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Hữu L- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A – Chi nhánh thành phố Đà Lạt, (*Quyết định uỷ quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC, ngày 19/6/2014*).

Ông Lê Quý H1- Chức vụ: Phó Giám đốc, Chi nhánh thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, trụ sở: Số 09 N, Phường M, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng (*theo Văn*

bản ủy quyền số 275/NHNoDL-KHKD ngày 17/5/2018 của Giám đốc Ngân hàng A chi nhánh thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng).

2. *Bị đơn:* Ông Hồ Quốc T, sinh năm: 1977

Bà Phạm Thị Thu H2, sinh năm: 1979

Địa chỉ: 05 T, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

Bà Vũ Thị H, sinh năm: 1961 và ông Nguyễn Tuấn Kh, sinh năm: 1964

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

4. *Người kháng cáo:* Bà Vũ Thị H và ông Nguyễn Tuấn Kh- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

(Ông H1, ông Kh, bà H có mặt, ông T, bà H2 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn ông Lê Quý H1 trình bày:

Ngày 13/6/2011 Ngân hàng A, Chi nhánh thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Phòng giao dịch Phan Chu Trinh (gọi tắt là Ngân hàng), ký Hợp đồng tín dụng số LAV-201101436/HĐ, cho ông Hồ Quốc T và bà Phạm Thị Thu H2 vay số tiền 1.000.000.000đ; mục đích vay; mua bán gỗ, xây dựng và làm hàng trang trí nội thất, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 21%/năm, được áp dụng theo từng lần nhận nợ.

Tài sản thế chấp: Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1964 ngày 10/6/2011 giữa Ngân hàng và bên thế chấp bà Vũ Thị H và ông Nguyễn Tuấn Kh, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất diện tích 300m²; thửa đất số: A 153-N; tờ bản đồ số: QHDC lô 90; địa chỉ: Lô 9 Khu phố C, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, đã cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: BĐ513869, ngày 01/4/2011 cho bà Vũ Thị H. Sau khi vay ông T, bà H2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn ông Hồ Quốc T và bà Phạm Thị Thu H2: đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa và cũng không có văn bản ý kiến gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H trình bày:

Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1964 ngày 10/6/2011 giữa Ngân hàng và bên thế chấp bà Vũ Thị H và Nguyễn

Tuần Kh: Quyền sử dụng đất diện tích 300m²; thửa đất số: A 153-N; tờ bản đồ số: QHDC lô 90; địa chỉ: Lô 9 Khu phố C, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, đã cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: BĐ513869, ngày 01/4/2011 cho bà Vũ Thị H. Nhưng ông bà chỉ đồng ý thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản nợ của ông Hồ Quốc T và bà Phạm Thị Thu H2 số tiền 1.000.000.000đ, với thời hạn là 12 tháng, không thể chấp bảo đảm phát sinh quá 12 tháng, không đồng ý giao tài sản để Ngân hàng phát mãi.

Do bà H ông Kh, ông T bà H2 vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa Ngân hàng trình bày trong quá trình tòa án thụ lý hồ sơ ông T bà H2 và bà H ông Kh đã trả được 998.000.000đ nợ gốc.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 49/2019/DS-ST ngày 16/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” đối với ông Hồ Quốc T và bà Phạm Thị Thu H2 với số tiền 998.000.000đ.

2. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A về việc kiện “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” với bị đơn ông Hồ Quốc T và bà Phạm Thị Thu H2.

2.1. Buộc: Ông Hồ Quốc T và bà Phạm Thị Thu H2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A số tiền 793.348.164đ trong đó nợ gốc là 2.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày 16/12/2019 là 791.348.164đ.

2.2. Tài sản đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 1964 ngày 10/6/2011 giữa Ngân hàng và bên thế chấp bà Vũ Thị H và ông Nguyễn Tuấn Kh, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất diện tích 300m²; thửa đất số: A 153-N; tờ bản đồ số: QHDC lô 90; địa chỉ: Lô 9 Khu phố C, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, đã cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: BĐ513869, ngày 01/4/2003 cho bà Vũ Thị H.

Kể từ ngày 17/12/2019 ông T, bà H2 phải chịu thêm tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: LAV-201101436/HĐ ngày 13/6/2011, tại thời điểm thanh toán đối với số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

3.1. Ông Hồ Quốc T, bà Phạm Thị Thu H2 phải chịu 35.733.927đ án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Trả cho Ngân hàng A số tiền 21.917.916đ, tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004234 ngày 28/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 13/02/2020 ông Kh, bà H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Theo bà H thì ngày 10/6/2011 bà không có mặt tại Văn phòng công chứng Âu Lạc nên không ký vào hợp đồng thế chấp; bà H, ông Kh đã trả số tiền 498.000.000đ để khắc phục số nợ gốc nhưng Ngân hàng chưa trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà; ngày 09/12/2019 Ngân hàng và bà đã thống nhất số tiền lãi còn lại là 300.000.000đ nhưng Ngân hàng vẫn yêu cầu trả 791.348.164đ.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà H, ông Kh vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Ngân hàng áp dụng Nghị quyết số 42 của Quốc Hội về xử lý nợ xấu để xem xét vì ông bà thuộc diện gia đình khó khăn.

Đại diện Ngân hàng không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà H, ông Kh và cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm Ngân hàng đã không tính khoản tiền lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, ông Kh. Căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng A cho ông Hồ Quốc T, bà Phạm Thị Thu H2 vay số tiền 1.000.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số LAV-201101436/HĐTD ngày 13/6/2011. Bà Vũ Thị H và ông Nguyễn Tuấn Kh là người thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay trên. Do ông T, bà H2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà H2 thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bà Vũ Thị H, ông Nguyễn Tuấn Kh thì thấy rằng:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1964 ngày 10/6/2011 giữa Ngân hàng và bên thế chấp là bà H, ông Kh được lập thành 4 bản, có giá trị pháp lý như nhau. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bản hợp đồng thế chấp của Ngân hàng cung cấp có đầy đủ chữ ký của các bên còn bản hợp đồng Văn phòng công chứng cung cấp không có chữ ký của bà H. Do vậy, bà H cho rằng ngày 10/6/2011 bà không có mặt tại Văn phòng công chứng Âu Lạc nên không ký vào hợp đồng thế chấp nói trên. Tuy nhiên, theo các tài liệu mà Ngân hàng cung cấp thì ngày 10/6/2011 bà H có ký “*Biên bản xác định giá trị tài sản số: 1964*”, “*Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất*” (BL số 68,69). Đồng thời, theo tài liệu mà Văn phòng công chứng Nguyễn Đức Tuấn cung cấp thì ngày 13/6/2011 bà H có ký vào “*Phiếu yêu cầu công chứng*” (BL số 89) “*Biên bản xác định giá trị tài sản số: 1964*” và nộp các giấy tờ liên quan đến việc công chứng như: *Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* (BL số 85, 88, 89).

Tại biên bản đối chất ngày 03/8/2020 bà H, ông Kh đều thừa nhận chữ ký và chữ viết họ và tên trong các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng và Văn phòng công chứng cung cấp là của ông bà . Do đó, bà H cho rằng bà không có mặt tại Văn phòng công chứng nên không ký vào hợp đồng thế chấp là không có căn cứ.

Mặc dù bà H và ông Kh đã trả khoản nợ gốc 498.000.000đ thay cho ông T, bà H2 nhưng hiện nay ông T, bà H2 vẫn còn dư nợ gốc và lãi nên Ngân hàng chưa trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà là đúng theo thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng thế chấp “*...nhận lại giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản khi bên C hoàn thành nghĩa vụ được bảo đảm*”.

Theo biên bản làm việc ngày 09/12/2019 giữa Ngân hàng và bà H thể hiện ở phần ý kiến của khách hàng thì “*ngày 09/12/2019 ông Kh, bà H trả trước 498.000.000đ nợ gốc. Trong vòng 06 tháng sau, hạn cuối ngày 09/6/2020 sẽ trả hết số tiền gốc và lãi còn lại cho ngân hàng (gốc: 2.000.000đ, lãi: 300.000.000đ)*” nên không có căn cứ cho rằng Ngân hàng và bà đã thống nhất số tiền lãi phát sinh còn lại là 300.000.000đ.

Ngày 17/8/2020 bà H có đơn yêu cầu “*xem xét, xác minh chữ ký và chữ viết (họ và tên), tuổi mực*” của bà trong bản Hợp đồng thế chấp. Tuy nhiên, trước đó tại Công văn số 469/C09-P5 ngày 18/3/2020 của Viện Khoa học Hình sự Bộ Công an “*V/v phúc đáp công văn số 52CV-TA ngày 09/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh*

Lâm Đồng” đã trả lời “Hiện nay Viện Khoa học hình sự Bộ Công an chưa giải quyết được các yêu cầu về giám định tuổi mực”(BL số 186).

Từ những phân tích trên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, ông Kh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà H, ông Kh phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn Kh, bà Vũ Thị H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” đối với ông Hồ Quốc T và bà Phạm Thị Thu H2 với số tiền 998.000.000đ.

2. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A về việc kiện “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” với bị đơn ông Hồ Quốc T và bà Phạm Thị Thu H2.

2.1. Buộc: Ông Hồ Quốc T và bà Phạm Thị Thu H2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A số tiền 793.348.164đ trong đó nợ gốc là 2.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày 16/12/2019 là 791.348.164đ.

2.2. Tài sản đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 1964 ngày 10/6/2011 giữa Ngân hàng và bên thế chấp bà Vũ Thị H và ông Nguyễn Tuấn Kh, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất diện tích 300m²; thửa đất số: A 153-N; tờ bản đồ số: QHDC lô 90; địa chỉ: Lô 9 Khu phố C, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BD513869, ngày 01/4/2011 cho bà Vũ Thị H.

Kể từ ngày 17/12/2019 ông T, bà H2, phải chịu thêm tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: LAV-201101436/HĐTD ngày 13/6/2011, tại thời điểm thanh toán đối với số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

Buộc ông Hồ Quốc T, bà Phạm Thị Thu H2 phải chịu 35.733.927đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền 21.917.916đ, tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2016/0004234 ngày 28/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

Buộc ông Nguyễn Tuấn Kh, bà Vũ Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0017538 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Ông Kh, bà H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC (1);
- VKSND tỉnh LĐ (1);
- TAND Tp. Đà Lạt (02);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu AV – HS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Vũ Thị Nguyệt

